

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 100 | | 1.940.053.739.434 | 2.314.574.077.143 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | | 110 | V.1 | 237.768.222.576 | 265.372.942.880 |
| 1. Tiền | | 111 | | 227.153.222.576 | 166.247.322.880 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | | 112 | | 10.615.000.000 | 99.125.620.000 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | | 120 | | 544.931.021.547 | 640.963.654.551 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | | 121 | V.2 | 643.924.867.330 | 793.653.196.515 |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | | 129 | V.3 | (98.993.845.783) | (152.689.541.964) |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 130 | | 1.085.727.352.484 | 1.281.496.916.610 |
| 1. Phải thu khách hàng | | 131 | V.4 | 329.222.480.225 | 384.475.183.118 |
| 2. Trả trước cho người bán | | 132 | V.5 | 49.193.243.351 | 136.464.182.973 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | | 134 | | - | - |
| 5. Các khoản phải thu khác | | 135 | V.6 | 719.140.688.230 | 761.386.609.842 |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | | 139 | V.7 | (11.829.059.322) | (829.059.322) |
| IV. Hàng tồn kho | | 140 | | 20.236.385.857 | 50.843.895.486 |
| 1. Hàng tồn kho | | 141 | V.8 | 20.236.385.857 | 50.843.895.486 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | | 150 | | 51.390.756.970 | 75.896.667.616 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | | 151 | V.9 | 14.506.923.377 | 18.827.902.103 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | | 152 | | 1.612.499.386 | 967.321.052 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | | 154 | V.10 | 916.443.543 | 9.960.652.399 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | | 157 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | | 158 | V.11 | 34.354.890.664 | 46.140.792.061 |



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| TÀI SẢN | | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| B - | TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 3.193.018.612.305 | 2.963.921.452.035 |
| I. | Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 37.000.000.000 | 37.000.000.000 |
| 1. | Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. | Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc | 212 | | - | - |
| 3. | Phải thu dài hạn nội bộ | 213 | | - | - |
| 4. | Phải thu dài hạn khác | 218 | V.12 | 37.000.000.000 | 37.000.000.000 |
| 5. | Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. | Tài sản cố định | 220 | | 530.153.813.756 | 705.038.470.578 |
| 1. | Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.13 | 483.467.267.525 | 650.141.953.343 |
| | <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 1.014.130.912.401 | 1.189.463.980.515 |
| | <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (530.663.644.876) | (539.322.027.172) |
| 2. | Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| | <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| | <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. | Tài sản cố định vô hình | 227 | V.14 | 12.856.247.975 | 14.115.485.352 |
| | <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 17.492.719.327 | 17.494.143.335 |
| | <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (4.636.471.352) | (3.378.657.983) |
| 4. | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | V.15 | 33.830.298.256 | 40.781.031.883 |
| III. | Bất động sản đầu tư | 240 | V.16 | 227.310.035.803 | 239.202.151.988 |
| | <i>Nguyên giá</i> | 241 | | 279.448.439.795 | 279.448.439.795 |
| | <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 242 | | (52.138.403.992) | (40.246.287.807) |
| IV. | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 2.355.162.422.728 | 1.936.068.379.102 |
| 1. | Đầu tư vào công ty con | 251 | V.17 | 1.310.987.722.752 | 942.636.944.122 |
| 2. | Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | V.18 | 807.526.222.779 | 700.718.067.779 |
| 3. | Đầu tư dài hạn khác | 258 | V.19 | 391.355.943.094 | 410.286.571.094 |
| 4. | Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | V.20 | (154.707.465.897) | (117.573.203.893) |
| V. | Tài sản dài hạn khác | 260 | | 43.392.340.017 | 46.612.450.367 |
| 1. | Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 643.192.897 | 3.833.803.247 |
| 2. | Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. | Tài sản dài hạn khác | 268 | V.21 | 42.749.147.120 | 42.778.647.120 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 270 | | 5.133.072.351.739 | 5.278.495.529.178 |

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A - NỢ PHẢI TRẢ | | 300 | | 1.250.355.596.176 | 1.416.171.821.738 |
| I. Nợ ngắn hạn | | 310 | | 774.519.620.195 | 1.146.721.968.117 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | | 311 | V.22 | 377.128.767.854 | 512.436.104.324 |
| 2. Phải trả người bán | | 312 | V.23 | 97.419.881.413 | 144.304.921.328 |
| 3. Người mua trả tiền trước | | 313 | V.24 | 25.838.914.969 | 21.172.333.363 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | | 314 | V.25 | 2.511.788.992 | 5.114.494.932 |
| 5. Phải trả người lao động | | 315 | V.26 | 8.104.906.847 | 9.939.966.152 |
| 6. Chi phí phải trả | | 316 | V.27 | 20.715.094.400 | 15.561.023.142 |
| 7. Phải trả nội bộ | | 317 | | - | - |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | | 318 | | - | - |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | | 319 | V.28 | 241.225.331.507 | 426.458.441.889 |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | | 320 | | 1.574.934.213 | 3.106.407.889 |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | | 323 | | - | 8.628.275.098 |
| 12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | | 327 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | | 330 | | 475.835.975.981 | 269.449.853.621 |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | | 331 | | - | - |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ | | 332 | | - | - |
| 3. Phải trả dài hạn khác | | 333 | V.29 | 21.214.833.123 | 17.887.072.335 |
| 4. Vay và nợ dài hạn | | 334 | V.30 | 454.621.142.858 | 251.562.781.286 |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | | 335 | | - | - |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | | 336 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn | | 337 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện | | 338 | | - | - |
| 9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | | 339 | | - | - |
| B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 400 | | 3.882.716.755.563 | 3.862.323.707.440 |
| I. Vốn chủ sở hữu | | 410 | | 3.882.716.755.563 | 3.862.323.707.440 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | 411 | V.31 | 1.094.473.090.000 | 1.094.473.090.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | | 412 | V.31 | 2.471.474.474.400 | 2.471.474.474.400 |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | | 413 | V.31 | 69.388.382.902 | 69.388.382.902 |
| 4. Cổ phiếu quỹ | | 414 | | - | - |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | | 416 | | - | - |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | | 417 | | - | - |

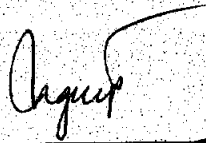


| | | | | | |
|----------------------------|--|------------|------|--------------------------|--------------------------|
| 8. | Quỹ dự phòng tài chính | 418 | V.31 | 29.429.404.912 | 29.429.404.912 |
| 9. | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | V.31 | 26.315.340.005 | 26.315.340.005 |
| 10. | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | V.31 | 191.636.063.344 | 171.243.015.221 |
| 11. | Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 421 | | - | - |
| 12. | Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 422 | | - | - |
| II. | Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. | Nguồn kinh phí | 432 | | - | - |
| 2. | Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 433 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 440 | | 5.133.072.351.739 | 5.278.495.529.178 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 01 năm 2013



Trương Như Nguyên
Người lập biểu



Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



TP. HỒ CHÍ MINH

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Quận 1 TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 04 NĂM 2012

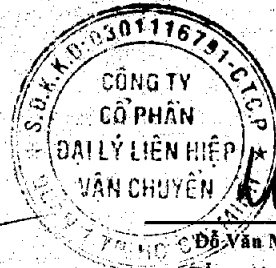
BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CHƯA HỢP NHẤT
Quý 04 năm 2012

| Chỉ tiêu | Quý 04 | | Tích lũy đến cuối quý này | |
|---|-----------------|-----------------|---------------------------|-------------------|
| | Năm nay | Năm trước | Năm nay | Năm trước |
| 1 Doanh thu bán hàng và dịch vụ | 236.895.817.021 | 398.813.244.122 | 1.194.727.118.824 | 1.472.973.669.413 |
| 2 Các khoản giảm trừ | - | - | - | - |
| 3 Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ | 236.895.817.021 | 398.813.244.122 | 1.194.727.118.824 | 1.472.973.669.413 |
| 4 Giá vốn hàng bán | 232.672.351.592 | 390.107.508.535 | 1.158.179.361.095 | 1.419.230.776.627 |
| 5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ | 4.223.465.429 | 8.705.735.587 | 36.547.757.729 | 53.742.892.786 |
| 6 Doanh thu hoạt động tài chính | 47.519.081.217 | 95.647.962.278 | 205.905.295.174 | 282.212.947.990 |
| 7 Chi phí tài chính | 9.640.010.319 | 81.440.614.902 | 140.791.420.443 | 250.133.144.084 |
| Trong đó: | | | | |
| - Chi phí lãi vay | 17.536.427.610 | 20.949.832.392 | 73.091.096.038 | 76.661.508.577 |
| 8 Chi phí bán hàng | 1.611.476.214 | 884.547.603 | 4.962.898.686 | 4.645.506.188 |
| 9 Chi phí quản lý doanh nghiệp | 22.965.029.065 | 21.798.940.785 | 89.166.610.254 | 75.038.263.875 |
| 10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 17.526.031.048 | 229.594.575 | 7.532.123.521 | 6.138.926.629 |
| 11 Thu nhập khác | 3.262.949.440 | 23.533.772.490 | 139.734.983.806 | 55.607.724.507 |
| 12 Chi phí khác | 496.022.608 | 21.961.285.783 | 109.527.777.487 | 33.725.237.610 |
| 13 Lợi nhuận khác | 2.766.926.832 | 1.572.486.707 | 30.207.206.319 | 21.882.486.897 |
| 14 Lợi nhuận trước thuế | 20.292.957.880 | 1.802.081.282 | 37.739.329.840 | 28.021.413.526 |
| 15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 398.793.716 | | 11.677.896.717 | 4.307.985.195 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | (547.283.314) |
| 16 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 19.894.164.164 | 1.802.081.282 | 26.061.433.123 | 24.260.711.645 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 01 năm 2013

Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận I, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

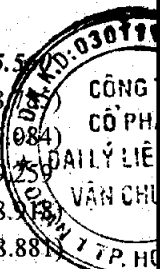
(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND


| CHỈ TIÊU | Mã số | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------|-----------------------------------|--------------------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 37.739.329.840 | 28.021.413.526 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | 89.984.284.745 | 94.874.387.120 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | (5.561.434.177) | 120.227.088.905 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | (1.979.884.978) | (2.210.893.310) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (201.221.015.338) | (236.612.709.257) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 73.091.096.038 | 76.661.508.577 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | (7.947.623.871) | 80.960.795.518 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | 240.234.196.777 | (459.157.118.084) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | 30.607.509.629 | (19.348.919.084) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | (131.089.548.109) | 172.317.859.251 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | 7.511.589.076 | (6.179.398.518) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | (72.626.198.578) | (75.175.438.881) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | (11.771.918.059) | (3.388.637.604) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | 126.644.986.911 | 110.179.897.812 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | (108.471.737.893) | (98.194.008.905) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 73.091.255.882 | (297.984.969.545) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | 3.162.293.669 | (82.207.481.322) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | 123.325.696.448 | 55.111.217.080 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (156.460.000.000) | (178.102.801.850) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 206.905.753.859 | 236.065.520.611 |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 25 | (477.530.778.630) | (183.383.505.000) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 26 | 2.371.845.000 | 2.132.190.132 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 195.252.977.966 | 95.778.608.859 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (102.972.211.688) | (54.606.251.490) |

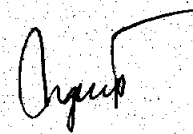



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

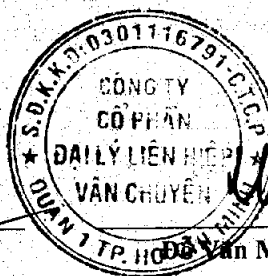
| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm nay | | Năm trước | |
|--|-----------|-------------------------|------------------------|-----------|---|
| | | | | | |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu | 31 | - | - | - | - |
| 2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | - | - | - | - |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | 1.108.781.462.837 | 1.088.587.257.252 | | |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (1.041.030.437.735) | (726.863.282.873) | | |
| 5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính | 35 | - | (6.011.673.604) | | |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (65.474.789.600) | - | | |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 2.276.235.502 | 355.712.300.775 | | |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | (27.604.720.304) | 3.121.079.740 | | |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 265.372.942.880 | 261.855.538.610 | | |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | - | 396.324.530 | | |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | 237.768.222.576 | 265.372.942.880 | | |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 01 năm 2013


 Trương Như Nguyễn
 Người lập biểu


 Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng


 Hồ Văn Minh
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
Công ty cổ phần Gemadept kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty cổ phần Gemadept bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.
 - Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Dung Quất, cảng Bình Dương; Đầu tư vào dự án cảng Container Nam Hải - Đình Vũ, cảng nước sâu Germalink Cái Mép và cảng Gemadept Hoa Sen.
 - Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Hàng hóa hàng không,...
 - Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia.
 - Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm Cao ốc Gemadept, dự án Khu phức hợp Saigon Gem, dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 25 |
| Máy móc và thiết bị | 05 - 07 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 15 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 08 |

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|-----------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 25 |

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi thanh lý một khoản đầu tư, chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

14. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

18. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011 : 20.828 VND/USD
31/12/2012 : 20.828 VND/USD

19. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được xem là một hình thức bảo hiểm rủi ro hối đoái nhằm mục đích bảo vệ những nghiệp vụ khác. Lãi, lỗ phát sinh từ nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí vào cùng thời điểm khi thực hiện nghiệp vụ được bảo hiểm rủi ro hối đoái.

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.7.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Tiền mặt | 3.771.155.260 | 3.464.418.490 |
| Tiền gửi ngân hàng | 220.561.953.942 | 162.358.701.307 |
| Tiền đang chuyển | 2.820.113.374 | 424.203.083 |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 10.615.000.000 | 99.125.620.000 |
| Cộng | <u>237.768.222.576</u> | <u>265.372.942.880</u> |

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn | 161.524.867.330 | 249.721.867.626 |
| Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link | 482.400.000.000 | 482.400.000.000 |
| Đầu tư ngắn hạn khác | | 61.531.328.889 |
| - Tiền gửi có kỳ hạn từ 01 năm trở xuống | | 29.239.045.500 |
| - Các khoản cho vay | - | 32.292.283.389 |
| Cộng | <u>643.924.867.330</u> | <u>793.653.196.515</u> |

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

| | |
|------------|-----------------|
| Số đầu năm | 152.689.541.964 |
|------------|-----------------|

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | | |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Hoàn nhập dự phòng | <u>(53.695.696.181)</u> | |
| Số cuối kỳ | <u>98.993.845.783</u> | |
| 4. Phải thu khách hàng | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Hoạt động logistics: vận tải, đại lý tàu biển,... | 326.944.033.615 | 376.062.337.992 |
| Dịch vụ cho thuê tài sản | 2.278.446.610 | 8.412.845.126 |
| Cộng | <u>329.222.480.225</u> | <u>384.475.183.118</u> |
| Các khoản phải thu được dùng để đảm bảo khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với giá trị là 23.000.000.000 VND. | | |
| 5. Trả trước cho người bán | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Công ty cổ phần hàng hải Ngân Hà | 15.000.000.000 | 42.465.592.210 |
| Công ty TNHH cảng Phước Long | - | 62.298.411.025 |
| Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Bông Sen Vàng | 28.130.000.000 | 28.130.000.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 6.063.243.351 | 3.570.179.738 |
| Cộng | <u>49.193.243.351</u> | <u>136.464.182.973</u> |
| 6. Các khoản phải thu khác | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý | 11.348.927.548 | 26.327.524.193 |
| Phải thu về kinh doanh chứng khoán | 3.200.000.000 | 3.300.000.000 |
| Phải thu từ các công ty con, công ty liên kết, hợp tác | 549.058.811.071 | 560.928.792.442 |
| - Công ty cổ phần chứng khoán công nghiệp Việt Nam – hợp tác kinh doanh theo nội dung hợp đồng | 35.000.000.000 | 82.750.000.000 |
| - Công ty TNHH cảng Phước Long – tiền cho mượn, chi hộ | 140.565.300.184 | 112.195.967.663 |
| - Gemadept (Singapore) Ltd.- tiền chi hộ | 38.772.120.321 | 20.255.821.307 |
| - Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất – tiền cho mượn | 54.200.000.000 | 55.900.000.000 |
| - Công ty TNHH dịch vụ tổng hợp V.N.M | - | 18.946.000.000 |
| - Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept – tiền cho mượn | 21.270.531.808 | 16.074.955.000 |
| - Công ty cổ phần du lịch vận tải Trường Thọ - tiền cho mượn, chi hộ | 6.400.000.000 | 8.986.272.000 |
| - Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng – tiền chi hộ | 1.193.727.457 | 1.156.734.311 |
| - Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương (Pacific Pearl) – chi hộ dự án cao su | 241.141.626.333 | 244.055.334.635 |
| - Các công ty con, công ty liên kết, hợp tác khác | 10.515.504.968 | 607.707.526 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 93.086.457.007 | 90.805.100.312 |
| Lãi dự thu tiền gửi, cho vay | - | 26.733.065.975 |

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Các khoản phải thu khác | 62.446.492.604 | 53.292.126.920 |
| - Phải thu công nhân viên tiền lãi vay | 4.478.250.340 | 4.617.553.940 |
| - Các khoản phải thu khác | 57.968.242.264 | 48.674.572.980 |
| Cộng | <u>719.140.688.230</u> | <u>761.386.609.842</u> |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | | |
| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
| Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán | 829.059.322 | 829.059.322 |
| Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi | 11.000.000.000 | - |
| Cộng | <u>11.829.059.322</u> | <u>829.059.322</u> |
| Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau: | | |
| Số đầu năm | 829.059.322 | |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 11.000.000.000 | |
| Số cuối kỳ | <u>11.829.059.322</u> | |
| 8. Hàng tồn kho | | |
| Nhiên liệu tồn trên tàu. | | |
| 9. Chi phí trả trước ngắn hạn | | |
| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
| Chi phí sửa chữa tàu | 5.484.100.568 | 12.853.503.270 |
| Chi phí bảo hiểm | 1.350.803.572 | 1.601.124.296 |
| Chi phí thuê tàu | 5.643.000.000 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 1.523.139.645 | 2.398.453.034 |
| Chi phí khác | 505.879.592 | 1.974.821.503 |
| Cộng | <u>14.506.923.377</u> | <u>18.827.902.103</u> |
| 10. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | | |
| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
| Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 916.443.543 | 9.960.652.399 |
| Cộng | <u>916.443.543</u> | <u>9.960.652.399</u> |
| 11. Tài sản ngắn hạn khác | | |
| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
| Tạm ứng | 29.871.132.059 | 26.137.182.904 |
| Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 4.483.758.605 | 20.003.609.157 |
| Cộng | <u>34.354.890.664</u> | <u>46.140.792.061</u> |
| 12. Phải thu dài hạn khác | | |
| Các khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh, bao gồm: | | |
| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
| Công ty TNHH Sông Hằng – góp vốn hợp tác thực hiện dự án cảng tổng hợp Lê Chân | 19.000.000.000 | 19.000.000.000 |
| Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển | 18.000.000.000 | 18.000.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| hạ tầng Đồng Dương – góp vốn hợp tác thực hiện dự án khu dịch vụ hậu cần Logistics | | |
| Cộng | 37.000.000.000 | 37.000.000.000 |

13. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Nhà cửa, vật kiến trúc bao gồm:

- Giá trị quyền sử dụng đất của 2 căn nhà tại số 39 và 40 Quang Trung, TP. Đà Nẵng chưa được định giá.
- Giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất đã được tháo dỡ để xây dựng Cao ốc Lê Thánh Tôn tại phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh và Công ty đã ngưng trích khấu hao từ thời điểm tháo dỡ do quyền sử dụng được cấp vĩnh viễn.

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------------|---------------------------|--------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 66.191.510.150 | 130.198.672.581 | 981.505.938.880 | 11.567.858.904 | 1.189.463.980.515 |
| Mua sắm mới | - | 189.836.000 | 1.549.725.863 | 1.099.241.732 | 2.838.803.595 |
| Thanh lý, nhượng bán | (8.300.975.537) | (4.521.080.152) | (165.311.623.034) | (38.192.986) | (178.171.871.709) |
| Số cuối kỳ | 57.890.534.613 | 125.867.428.429 | 817.744.041.709 | 12.628.907.650 | 1.014.130.912.401 |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 30.381.581.789 | 106.218.721.242 | 392.612.940.469 | 10.108.783.672 | 539.322.027.172 |
| Khấu hao trong kỳ | 1.129.238.881 | 10.180.889.742 | 64.665.108.890 | 857.693.669 | 76.832.931.182 |
| Thanh lý, nhượng bán | (6.689.409.493) | (2.791.431.153) | (75.972.279.847) | (38.192.986) | (85.491.313.479) |
| Số cuối kỳ | 24.821.411.177 | 113.608.179.831 | 381.305.769.512 | 10.928.284.355 | 530.663.644.875 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 35.809.928.361 | 23.979.951.339 | 588.892.998.411 | 1.459.075.232 | 650.141.953.343 |
| Số cuối kỳ | 33.069.123.436 | 12.259.248.598 | 436.438.272.197 | 1.700.623.295 | 483.467.267.526 |

14. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy tính | Cộng |
|---------------------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 7.352.483.410 | 10.141.659.925 | 17.494.143.335 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (1.424.008) | (1.424.008) |
| Số cuối kỳ | 7.352.483.410 | 10.140.235.917 | 17.492.719.327 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | 313.076.907 | 313.076.907 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | - | 3.378.657.983 | 3.378.657.983 |
| Khấu hao trong kỳ | - | 1.259.237.377 | 1.259.237.377 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | -1.424.008 | -1.424.008 |
| Số cuối kỳ | - | 4.636.471.352 | 4.636.471.352 |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Quyền sử dụng đất</u> | <u>Phần mềm máy tính</u> | <u>Cộng</u> |
|-----------------|--------------------------|--------------------------|----------------|
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 7.352.483.410 | 6.763.001.942 | 14.115.485.352 |
| Số cuối kỳ | 7.352.483.410 | 5.503.764.565 | 12.856.247.975 |

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u> | <u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u> | <u>Giảm khác</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|---|-----------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Mua sắm TSCĐ | 33.259.425.964 | 2.461.810.268 | (2.109.984.268) | (949.636.363) | 32.661.615.601 |
| XDCB dở dang | 7.521.605.919 | | - | (6.352.923.264) | 1.168.682.655 |
| - Chi phí tư vấn, đầu tư xây dựng cao ốc Lê Lợi | 2.694.479.091 | | - | (2.694.479.091) | - |
| - Dự án khu công nghiệp công nghệ cao Gemadept | 3.658.444.173 | | - | (3.658.444.173) | - |
| - Các dự án khác | 1.168.682.655 | | - | - | 1.168.682.655 |
| Cộng | 40.781.031.883 | 2.461.810.268 | (2.109.984.268) | (7.302.559.627) | 33.830.298.256 |

Tài sản đang xây dựng dở dang và chưa đưa vào sử dụng có giá trị là 31.799.789.600 VND được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty TNHH cảng Phước Long tại Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn.

16. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Chi tiết tình hình tăng, giảm bất động sản đầu tư như sau:

| | <u>Nguyên giá</u> | <u>Giá trị hao mòn</u> | <u>Giá trị còn lại</u> |
|-------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| Số đầu năm | 279.448.439.795 | 40.246.287.807 | 239.202.151.988 |
| Tăng trong kỳ | - | 11.892.116.185 | |
| Số cuối kỳ | 279.448.439.795 | 52.138.403.992 | 227.310.035.803 |

Tại thời điểm cuối kỳ, Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị thị trường của bất động sản đầu tư trên.

Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

| | | |
|---|----------------|----------------|
| Thu nhập từ việc cho thuê | 85.665.905.207 | 90.605.229.479 |
| Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê | 28.436.935.674 | 31.926.481.137 |
| Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê | - | - |

17. Đầu tư vào công ty con

| <u>Tên công ty con</u> | <u>Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)</u> | | <u>Vốn đầu tư (VND)</u> |
|---|---------------------------------|-----------------|-------------------------|
| | <u>Theo giấy phép</u> | <u>Thực góp</u> | |
| Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất | 78,60 | 78,60 | 39.780.000.000 |
| Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M | 100,00 | 100,00 | 5.000.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| Tên công ty con | Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%) | | Vốn đầu tư (VND) |
|--|--------------------------|----------|--------------------------|
| | Theo giấy phép | Thực góp | |
| Gemadep (Malaysia) Ltd. | 100,00 | 100,00 | 15.206.200.000 |
| Gemadep (Singapore) Ltd. | 100,00 | 100,00 | 15.207.300.000 |
| Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadep Nhơn Hội | 55,00 | 9,43 | 6.600.000.000 |
| Công ty TNHH cảng Phước Long | 100,00 | 100,00 | 100.000.000.000 |
| Công ty TNHH ISS Gemadep | 51,00 | 51,00 | 1.637.304.000 |
| Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadep | 100,00 | 100,00 | 80.000.000.000 |
| Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu | 70,00 | 70,00 | 67.200.000.000 |
| Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen- Gemadep | 51,00 | 51,00 | 72.126.807.812 |
| Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadep | 50,00 | 50,00 | 60.000.000.000 |
| Công ty TNHH một thành viên Gemadep Hải Phòng | 100,00 | 23,92 | 23.924.332.310 |
| Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ ^(b) | 46,00 | 46,00 | 27.600.000.000 |
| Công ty cổ phần cảng Nam Hải | 99,98 | 99,98 | 424.383.000.000 |
| Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương | 100,00 | 35,00 | 3.500.000.000 |
| Công ty TNHH một thành viên Logistics Biển Sáng | 100,00 | 21,82 | 2.182.000.000 |
| Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín | 100,00 | 50,00 | 500.000.000 |
| Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương | 100,00 | 10,04 | 52.271.000.000 |
| Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương | 100,00 | 100,00 | 313.869.778.630 |
| Cộng | | | 1.310.987.722.752 |

(a) Công ty cổ phần Gemadep nắm quyền kiểm soát Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 25. Mặt khác, Công ty được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Gemadep trước các cuộc họp đại hội đồng cổ đông là 54%.

18. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

| Tên công ty liên kết, liên doanh | Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%) | | Vốn đầu tư (VND) |
|---|--------------------------|----------|------------------|
| | Theo giấy phép | Thực góp | |
| Công ty TNHH thương mại Quả cầu vàng | 45,00 | 45,00 | 42.761.600.000 |
| Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu (VCP) | 26,78 | 26,78 | 9.642.000.000 |
| MBN-GMD VIETNAM | 34,00 | 34,00 | 1.534.080.000 |
| Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo | 29,00 | 29,00 | 32.206.940.000 |
| Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm | 40,00 | 10,94 | 18.264.608.143 |
| Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực | 38,00 | 38,00 | 23.236.200.000 |
| Công ty TNHH Schenker Gemadep Logistics Vietnam | 49,00 | 49,00 | 11.882.010.000 |
| Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn | 23,00 | 23,00 | 86.250.000.000 |
| Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà | 25,00 | 25,00 | 29.375.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| Tên công ty liên kết, liên doanh | Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%) | | Vốn đầu tư (VND) |
|---|--------------------------|----------|------------------------|
| | Theo giấy phép | Thực góp | |
| Đông | | | |
| Công ty Sinokor Việt Nam | 49,00 | 49,00 | 2.319.909.000 |
| Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm | 26,56 | 26,56 | 49.825.280.000 |
| Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link | 41,67 | 41,67 | 351.750.000.000 |
| Công ty Golden Globe Co., Ltd. | 40,00 | 16,6 | 43.478.595.636 |
| Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ | 35,00 | 35,00 | 105.000.000.000 |
| Cộng | | | 807.526.222.779 |

19. Đầu tư dài hạn khác

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| Đầu tư cổ phiếu | 171.884.041.600 | 203.374.669.600 |
| Đầu tư tài chính dài hạn khác | 219.471.901.494 | 66.011.901.494 |
| - Công ty TNHH vận chuyển hàng công nghệ cao | 12.635.901.494 | 12.635.901.494 |
| - Dự án cao ốc văn phòng Falcon Hà Đông | 32.500.000.000 | 32.500.000.000 |
| - Các công ty khác | 20.876.000.000 | 20.876.000.000 |
| - Cho Công ty cổ phần cảng Nam Hải vay | 50.000.000.000 | - |
| - Cho Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept vay | 103.460.000.000 | - |
| Tiền gửi có kỳ hạn trên 01 năm | - | 140.900.000.000 |
| Cộng | 391.355.943.094 | 410.286.571.094 |

20. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn | 46.770.266.880 | 34.175.795.640 |
| Dự phòng khoản lỗ của các công ty con | 61.669.844.552 | 57.608.649.841 |
| Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh | 42.155.304.281 | 22.035.158.242 |
| Dự phòng khoản lỗ của đầu tư tài chính dài hạn khác | 4.112.050.184 | 3.753.600.170 |
| Cộng | 154.707.465.897 | 117.573.203.893 |

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

| | |
|----------------------------|------------------------|
| Số đầu năm | 117.573.203.893 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 37.134.262.004 |
| Số cuối kỳ | 154.707.465.897 |

21. Tài sản dài hạn khác

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|----------------|----------------|
| Ký quỹ tại các hãng hàng không để đảm bảo thanh toán cước vận chuyển đường hàng không | 824.400.000 | 833.120.000 |
| Ký quỹ thuê tàu | 41.220.000.000 | 41.656.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Ký quỹ hợp đồng bảo lãnh đầu tư | 417.400.000 | - |
| Các khoản ký quỹ dài hạn khác | 287.347.120 | 289.527.120 |
| Cộng | <u>42.749.147.120</u> | <u>42.778.647.120</u> |

22. Vay và nợ ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 219.564.196.253 | 466.251.818.610 |
| - Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn | 60.430.461.573 | 93.064.434.945 |
| - Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(a) | 132.040.356.244 | 188.478.630.148 |
| - Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(b) | 13.279.548.787 | 44.713.351.517 |
| - Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển - Chi nhánh Sở giao dịch 2 | 13.813.829.649 | - |
| - Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Phnom Penh | - | 139.995.402.000 |
| Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác | 106.136.000.173 | 5.750.000.000 |
| - Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link ^(c) | 104.130.000.173 | - |
| - Công ty cổ phần cảng quốc tế Nhơn Hội ^(d) | 2.006.000.000 | 5.750.000.000 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 51.428.571.428 | 40.434.285.714 |
| - Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt | 12.000.000.000 | 12.000.000.000 |
| - Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn | - | 8.720.000.000 |
| - Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh | 39.428.571.428 | 19.714.285.714 |
| Cộng | <u>377.128.767.854</u> | <u>512.436.104.324</u> |

(a) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại số 117 đến 121 đường Lê Lợi và 77 đến 89B đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh của Công ty liên quan.

(b) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để hỗ trợ cho các nhu cầu mua nhiên liệu và thanh toán các thư tín dụng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản phải thu và các Tàu Phước Long 14, 16, 18, 20, 22, 24, 26.

(c) Khoản vay Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link theo lãi suất quy định trên hợp đồng.

(d) Khoản vay Công ty cổ phần cảng quốc tế Nhơn Hội để bổ sung vốn kinh doanh.

23. Phải trả người bán

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------|-------------------|
| Phải trả các công ty con, công ty liên kết, hợp tác | 4.800.806.969 | 5.370.900.242 |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|-------------------------------|
| - Công ty TNHH vận tải hàng hải PO Việt Nam | - | 2.873.246.752 |
| - Công ty TNHH cảng Phước Long | 3.702.266.437 | 819.512.573 |
| - Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng | 1.026.057.729 | 216.969.079 |
| - Công ty cổ phần cảng Nam Hải | 71.138.814 | 338.119.840 |
| - Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept | - | 60.455.908 |
| - Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất | - | 1.034.466.807 |
| - Các công ty con, liên kết, hợp tác khác | 1.343.989 | 28.129.283 |
| Phải trả cho các nhà cung cấp khác | <u>92.619.074.444</u> | <u>138.934.021.086</u> |
| Cộng | <u>97.419.881.413</u> | <u>144.304.921.328</u> |
| | | |
| 24. Người mua trả tiền trước | | |
| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
| Khách hàng ứng trước để thuê tài sản | 21.510.419.416 | 19.000.419.416 |
| Khách hàng ứng trước cho hoạt động logistics: vận tải, đại lý tàu biển,... | <u>4.328.495.553</u> | <u>2.171.913.947</u> |
| Cộng | <u>25.838.914.969</u> | <u>21.172.333.363</u> |
| | | |
| 25. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | | |
| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 2.511.788.992 | 5.114.494.932 |
| Cộng | <u>2.511.788.992</u> | <u>5.114.494.932</u> |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%

Trong kỳ, thu nhập chịu thuế của hoạt động kinh doanh và hoạt động khác của Công ty bị lỗ nên chưa phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Riêng thuế thu nhập của hoạt động chuyển nhượng bất động sản dự tính phải nộp là 10.880.313.034 VND và không được bù trừ vào lỗ của hoạt động kinh doanh.

Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ chưa bao gồm số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung cho hoạt động đầu tư tại Singapore, Malaysia và Campuchia.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi nhánh Campuchia có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Nếu số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm nhỏ hơn 01% doanh thu thì phải nộp cho cơ quan thuế nước sở tại theo mức là 01% doanh thu.

26. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả công nhân viên.

27. Chi phí phải trả

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí lãi vay | 9.071.743.981 | 8.606.846.521 |
| Chi phí bốc xếp, lưu kho | 8.226.567.305 | 4.946.206.266 |
| Chi phí khác | 3.416.783.114 | 2.007.970.355 |
| Cộng | 20.715.094.400 | 15.561.023.142 |

28. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-------------------|-------------------|
| Kinh phí công đoàn | 356.493.241 | 750.863.241 |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | 1.219.946.098 | 1.096.110.484 |
| Cổ tức phải trả | 258.842.000 | 60.065.246.600 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 1.459.955.201 | 2.653.410.161 |
| Doanh thu chưa thực hiện | 4.003.501.857 | 2.766.834.580 |
| Phải trả cho ngân sách nhà nước tiền bán hàng tồn đọng tại cảng biển | 1.716.241.909 | 1.716.241.909 |
| Các khoản thu hộ để thực hiện dịch vụ đại lý | 12.891.334.573 | 31.121.216.700 |
| Phải trả các công ty con, công ty liên kết, hợp tác | 201.299.971.313 | 286.734.001.422 |
| - Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link – tiền mượn | 120.853.141.332 | 120.853.141.332 |
| - Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng – tiền mượn và các khoản thu hộ | 10.276.760.911 | 34.701.883.766 |
| - Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept - tiền mượn | 10.227.370.790 | 33.227.370.790 |
| - Gemadept (Singapore) Co., Ltd. - tiền mượn | 43.718.922.902 | 69.730.697.870 |
| - Công ty TNHH cảng Phước Long - tiền mượn | - | 15.157.572.116 |
| - Công ty cổ phần cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept – tiền mượn | 10.293.585.975 | 10.293.585.975 |
| - Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương | 5.000.000.000 | - |
| - Các công ty con, công ty liên kết, hợp tác khác | 930.189.403 | 2.769.749.573 |
| Các khoản phải trả khác | 18.019.045.316 | 39.554.516.792 |
| - Công ty cổ phần đầu tư tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh - tiền đặt cọc theo hợp đồng hợp tác | - | 27.200.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| <i>kinh doanh</i> | | |
| - Ông Nguyễn Quốc Cường – tiền chủ nhượng phần vốn góp trong Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept | 9.264.678.577 | 9.264.678.577 |
| - Các khoản phải trả khác | 8.754.366.739 | 3.089.838.215 |
| Cộng | <u>241.225.331.507</u> | <u>426.458.441.889</u> |

29. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ cho thuê Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

30. Vay và nợ dài hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Vay dài hạn ngân hàng | 195.857.142.858 | 251.562.759.286 |
| - Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt ^(a) | 48.000.000.000 | 60.000.000.000 |
| - Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn | - | 4.277.045.000 |
| - Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(b) | 147.857.142.858 | 187.285.714.286 |
| Trái phiếu chuyển đổi | - | 22.000 |
| Nợ chuyển đổi | 258.764.000.000 | - |
| Cộng | <u>454.621.142.858</u> | <u>251.562.781.286</u> |

(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt để mua tàu Bunga Mas Tujuh, thời hạn 10 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

(b) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để góp vốn vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Genadept - Terminal Link. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại số 117 đến 121 đường Lê Lợi và 77 đến 89B đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh của Công ty liên quan.

31. Vốn chủ sở hữu

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------------|-------------------|-------------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 1.094.473.090.000 | 1.094.473.090.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 2.471.474.474.400 | 2.471.474.474.400 |
| Vốn khác của chủ sở hữu | 69.388.382.902 | 69.388.382.902 |
| Quỹ dự phòng tài chính | 29.429.404.912 | 29.429.404.912 |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 26.315.340.005 | 26.315.340.005 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 191.636.063.344 | 171.243.015.221 |

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Cổ phiếu**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 109.447.309 | 109.447.309 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 109.447.309 | 109.447.309 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 109.447.309 | 109.447.309 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | | |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 109.447.309 | 109.447.309 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 109.447.309 | 109.447.309 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | <u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|--|--|---------------------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Doanh thu hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý,... | 1.109.061.213.617 | 1.382.368.439.934 |
| Doanh thu cho thuê văn phòng | 85.665.905.207 | 90.605.229.479 |
| Cộng | <u>1.194.727.118.824</u> | <u>1.472.973.669.413</u> |

2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|--|--|---------------------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Giá vốn hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý,... | 1.129.742.425.421 | 1.387.304.295.490 |
| Giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng | 28.436.935.674 | 31.926.481.137 |
| Cộng | <u>1.158.179.361.095</u> | <u>1.419.230.776.627</u> |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|---|--|-------------------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 13.362.177.375 | 35.575.294.597 |
| Lãi đầu tư chứng khoán | 17.982.030.500 | 11.811.124.474 |
| Lãi góp vốn liên doanh, liên kết, cổ tức và lợi nhuận được chia | 159.344.400.949 | 159.853.016.680 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 11.038.617.470 | 59.900.490.668 |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác | 4.178.068.880 | 15.073.021.571 |
| Cộng | <u>205.905.295.174</u> | <u>282.212.947.990</u> |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí lãi vay | 73.091.096.038 | 76.661.508.577 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 16.312.190.021 | 43.497.170.827 |
| Lỗ đầu tư chứng khoán | 66.594.362.740 | 9.413.941.270 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn | (15.861.434.176) | 120.227.088.905 |
| Chi phí tài chính khác | 655.205.820 | 333.434.505 |
| Cộng | 140.791.420.443 | 250.133.144.084 |

5. Chi phí bán hàng

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.449.813.302 | 1.220.486.400 |
| Chi phí khác | 2.513.085.384 | 3.425.019.788 |
| Cộng | 4.962.898.686 | 4.645.506.188 |

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nhân viên quản lý | 39.375.144.763 | 34.696.472.404 |
| Chi phí khấu hao tài sản | 6.582.859.781 | 8.494.919.921 |
| Chi phí dự phòng | 12.277.515.915 | |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 21.893.154.108 | 23.103.898.563 |
| Chi phí khác | 9.037.935.687 | 8.742.972.987 |
| Cộng | 89.166.610.254 | 75.038.263.875 |

7. Thu nhập khác

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 134.074.409.121 | 50.040.326.171 |
| Các khoản thu nhập khác | 5.660.574.685 | 5.567.398.336 |
| Cộng | 139.734.983.806 | 55.607.724.507 |

8. Chi phí khác

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán | 91.447.774.133 | 31.850.927.522 |
| Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 12.879.413.877 | - |
| Các khoản chi phí khác | 5.200.589.477 | 1.874.310.088 |
| Cộng | 109.527.777.487 | 33.725.237.610 |

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chi tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp Doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chi phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|--------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 374.407.793.193 | 522.208.396.123 |
| Chi phí nhân công | 90.542.058.883 | 96.697.982.921 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 91.217.342.096 | 95.385.284.618 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 664.392.285.682 | 752.501.596.132 |
| Chi phí khác | 31.749.390.181 | 32.121.286.896 |
| Cộng | 1.252.308.870.035 | 1.498.914.546.690 |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 31/01/2013 Công ty cổ phần Gemadept vừa chuyển nhượng vốn góp tại Công ty Cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo với chi tiết như sau :

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch: 2,349,190 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 29%
- Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã mua/bán: 2,016,900 cổ phiếu
- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: 332,290 cổ phiếu, chiếm tỉ lệ 4.1%
- Ngày hoàn tất giao dịch: 31/01/2013

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|--|---|
| Tổng Công ty hàng hải Việt Nam | Cổ đông đại diện vốn Nhà nước tại Công ty |
| Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất | Công ty con |
| Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M | Công ty con |
| Gemadept (Malaysia) Ltd. | Công ty con |
| Gemadept (Singapore) Ltd. | Công ty con |
| Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội | Công ty con |
| Công ty TNHH cảng Phước Long | Công ty con |
| Công ty TNHH ISS Gemadept | Công ty con |
| Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept | Công ty con |
| Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyên – Vũng Tàu | Công ty con |
| Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept | Công ty con |
| Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept | Công ty con |
| Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng | Công ty con |
| Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ | Công ty con |

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|--|--------------------|
| Công ty cổ phần cảng Nam Hải | Công ty con |
| Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín | Công ty con |
| Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hóa Thái Bình Dương | Công ty con |
| Công ty TNHH một thành viên Logistics Biên Sáng | Công ty con |
| Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương | Công ty con |
| Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương | Công ty con |
| Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng | Công ty liên kết |
| Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu (VCP) | Công ty liên kết |
| Công ty MBN-GMD Việt Nam | Công ty liên kết |
| Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo | Công ty liên kết |
| Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm | Công ty liên kết |
| Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực | Công ty liên kết |
| Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam | Công ty liên kết |
| Công ty cổ phần dịch vụ hàng hoá Sài Gòn | Công ty liên kết |
| Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông | Công ty liên kết |
| Công ty Sinokor Việt Nam | Công ty liên kết |
| Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link | Công ty liên kết |
| Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ | Công ty liên kết |

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất | | |
| Cho mượn tiền | 5.600.000.000 | 6.900.000.000 |
| Thu hồi tiền cho vay | 7.300.000.000 | |
| Chi phí dịch vụ | 47.000.000 | 1.739.854.007 |
| Doanh thu dịch vụ | 420.224.364 | 928.232.753 |
| Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M | | |
| Cho mượn tiền | | 13.000.000.000 |
| Lãi góp vốn liên doanh | 2.494.000.000 | |
| Thu các khoản nợ phải thu khác | 18.946.000.000 | |
| Gemadept (Malaysia) Ltd. | | |
| Chi phí dịch vụ đại lý | 1.913.049.216 | 3.737.583.465 |
| Nhờ thu | | 91.779.122.942 |
| Gemadept (Singapore) Ltd. | | |
| Các khoản chi hộ phải thu | 20.812.717.312 | 17.776.463.973 |
| Chi phí dịch vụ | 66.353.182.980 | 106.480.892.858 |
| Mua tài sản cố định | | 61.637.346.576 |
| Các khoản phải trả do đã được chi hộ mua vật tư, phụ tùng, thu hộ | 2.823.920.485 | 2.686.582.845 |
| Mượn tiền | | 26.917.127.330 |
| Lợi nhuận được chia | | 36.813.000.000 |
| Chuyển lợi nhuận | 21.933.834.923 | |
| Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội | | |
| Vay ngắn hạn | | 7.000.000.000 |
| Tiền lãi vay | 479.457.071 | |
| Trả nợ vay | 3.744.000.000 | |

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------|------------------|
| Công ty TNHH cảng Phước Long | | |
| Chuyển tiền cho mượn | 110.230.000.000 | 219.806.408.492 |
| Cho thuê tài sản, thanh lý TSCĐ | | 48.600.000.000 |
| Nhận trước tiền cho thuê tài sản | 21.510.419.416 | 20.000.000.000 |
| Doanh thu dịch vụ | 45.919.731.636 | 910.685.110 |
| Chi phí dịch vụ | 76.745.224.485 | 101.442.784.577 |
| Mượn tiền | | 157.816.855.367 |
| Thu hộ phải trả | | 3.842.494.535 |
| Phải trả khác | 2.368.287.983 | |
| Chi hộ | 462.493.538 | 526.459.525 |
| Công ty TNHH ISS - Gemadept | | 21.105.680 |
| Doanh thu dịch vụ | | 21.105.680 |
| Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept | | |
| Lãi góp vốn đầu tư | 20.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| Chi hộ | 4.188.611.100 | 3.027.194.886 |
| Mượn tiền | | 32.300.000.000 |
| Cho vay | 120.060.000.000 | 48.300.000.000 |
| Doanh thu dịch vụ | 14.006.789.507 | 11.980.452.529 |
| Chi phí dịch vụ | 2.353.757.377 | 3.272.505.737 |
| Các khoản thu hộ phải trả | 3.428.003.799 | - |
| Doanh thu lãi cho vay | 3.267.036.889 | |
| Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept | | |
| Cho mượn tiền | | 2.000.000.000 |
| Mượn tiền | | 39.130.206.128 |
| Chuyển nhượng dự án | | 20.869.793.872 |
| Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng | | |
| Doanh thu dịch vụ | 25.885.877.447 | 910.685.110 |
| Cho mượn tiền | | 44.700.000.000 |
| Chi hộ | 22.364.996.309 | 63.794.218.470 |
| Chi phí dịch vụ | 64.384.793.611 | 83.162.088.687 |
| Mượn tiền | 10.000.000.000 | 77.700.000.000 |
| Thu hộ phải trả | 16.986.996.151 | 7.130.969.971 |
| Công ty cổ phần dịch vụ vận tải du lịch Trường Thọ | | |
| Cho mượn tiền | 12.400.000.000 | - |
| Cho thuê tài sản | | 4.800.000.000 |
| Phải thu tiền cổ tức | | 11.278.561.049 |
| Cho vay | | 42.900.000.000 |
| Mượn tiền | | 53.000.000.000 |
| Công ty TNHH vận tải hàng hải Thái Bình Dương | | |
| Góp vốn | | 3.000.000.000 |
| Doanh thu dịch vụ | | 14.830.303.875 |
| Chi phí dịch vụ | | 35.924.645 |
| Thu hộ phải trả | | 7.229.243.755 |
| Chi hộ | 148.966.850 | 4.761.734.605 |
| Mượn tiền | 4.200.000.000 | 6.000.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------|------------------|
| Công ty OOCL Việt Nam | | |
| Doanh thu thực hiện | | 4.268.215.895 |
| Công ty MBN-GMD Việt Nam | | |
| Doanh thu dịch vụ | 1.299.291.751 | 1.287.326.840 |
| Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo | | |
| Chi phí phát sinh | 424.947.991 | 336.356.106 |
| Công ty cổ phần cảng Nam Hải | | |
| Cho vay | 50.000.000.000 | - |
| Doanh thu dịch vụ | 4.800.000.000 | 2.008.247.500 |
| Chi phí dịch vụ | 1.204.621.817 | 1.389.071.016 |
| Phải thu tiền bồi thường | 207.563.019 | - |
| Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương | | |
| Góp vốn đầu tư | 52.271.000.000 | |
| Các khoản chi hộ phải thu | 175.999.500 | |
| Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương | | |
| Góp vốn đầu tư | 313.869.778.630 | |
| Công ty TNHH một thành viên Logistics Biển Sáng | | |
| Doanh thu dịch vụ | 1.468.284.820 | |
| Chi phí dịch vụ | 6.340.460 | |
| Công ty TNHH dịch vụ tin học VI Tin | | |
| Phải thu khác | 927.554.726 | |
| Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam | | |
| Cho vay ngắn hạn | | 4.207.200.000 |
| Doanh thu lãi cho vay | 145.849.600 | 4.861.653 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 46.363.636 | - |
| Công ty TNHH Hyundai Merchant Marine Việt Nam | | |
| Doanh thu dịch vụ | - | 7.591.130.166 |
| Chi phí dịch vụ | - | 28.788.681 |
| Nhận chuyển nhượng góp vốn | 4.593.015.000 | - |
| Công ty cổ phần hàng hóa dịch vụ Sài Gòn | | |
| Chi phí dịch vụ | 376.550.956 | 535.219.433 |
| Công ty Sinokor Việt Nam | | |
| Doanh thu dịch vụ | | 7.323.797.888 |
| Phải trả phí cung cấp dịch vụ | | 688.971.032 |
| Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link | | |
| Mượn tiền | | 246.000.000.000 |
| Vay ngắn hạn | | 123.004.033.928 |
| Doanh thu cho thuê văn phòng | 3.396.462.401 | |
| Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ | | |
| Góp vốn đầu tư | 105.000.000.000 | |
| Mượn tiền | 8.000.000.000 | |
| Cho mượn tiền | 8.700.000.000 | |

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------|-------------------|
| Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất | | |
| Cho mượn tiền | 54.200.000.000 | 55.900.000.000 |
| Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M | | |
| Cho mượn tiền | | 18.946.000.000 |
| Gemadept (Malaysia) Ltd. | | |
| Phải thu khách hàng | 11.631.065.927 | 14.529.514.789 |
| Gemadept (Singapore) Ltd. | | |
| Phải thu khách hàng | 204.158.122.365 | 188.367.880.989 |
| Ký quỹ dài hạn | 41.220.000.000 | 41.656.000.000 |
| Phải thu khác | 56.404.465.181 | 56.704.821.307 |
| Công ty TNHH cảng Phước Long | | |
| Phải thu khách hàng | | |
| Ứng trước tiền dịch vụ | | 62.298.411.025 |
| Phải thu khác | 140.565.300.184 | 112.195.967.663 |
| Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept | | |
| Phải thu khách hàng | -173.883.604 | 3.552.956.573 |
| Các khoản chi hộ | | 74.955.000 |
| Cổ tức còn phải thu | 20.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| Phải thu tiền cho mượn | 124.260.000.000 | 16.000.000.000 |
| Phải thu khác | 99.585.128 | |
| Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng | | |
| Phải thu khách hàng | 4.658.652.730 | 13.289.984.972 |
| Các khoản chi hộ | 1.193.727.457 | 1.156.734.311 |
| Công ty cổ phần du lịch vận tải Trường Thọ | | |
| Ứng trước tiền dịch vụ | | 20.000.000 |
| Phải thu khác | 6.400.000.000 | 8.986.272.000 |
| Lợi nhuận được chia | | 11.278.561.049 |
| Công ty cổ phần Sư Tử Chúa | | |
| Phải thu khách hàng | | 2.597.515.915 |
| Công ty cổ phần Cảng Nam Hải | | |
| Phải thu khách hàng | | 2.209.072.250 |
| Cổ tức còn phải thu | 13.234.099.995 | 23.077.539.263 |
| Phải thu khác | 207.563.019 | - |
| Cho vay | 50.000.000.000 | |
| Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hóa Thái Bình Dương | | |
| Phải thu khách hàng | | 453.181.055 |
| Phải thu khác | 66.116.350 | 164.574.500 |
| Công ty TNHH dịch vụ tin học VI Tin | | |
| Phải thu khác | 1.063.326.099 | 135.771.373 |
| Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương | | |
| Phải thu khác | 178.499.500 | 2.500.000 |
| Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------|------------------------|
| Chi hệ dự án cao su | 241.141.626.333 | 244.055.334.635 |
| Công ty TNHH thương mại quả Cầu Vàng | | |
| Phải thu khác | 300.000.000 | 300.000.000 |
| Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam | | |
| Cho vay ngắn hạn | | 4.207.200.000 |
| Phải thu khách hàng | | 4.861.653 |
| Phải thu khác | 534.143.500 | 534.143.500 |
| Công ty TNHH Hyundai Merchant Marine | | |
| Phải thu khách hàng | | 3.378.948.920 |
| Công ty OOCL Việt Nam | | |
| Phải thu khách hàng | - | 1.185.976.156 |
| Cảng Nam Hải Đình Vũ | | |
| Phải thu khác | 8.700.000.000 | |
| Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link | | |
| Phải thu khách hàng | 14.065.788 | - |
| Công ty Sinokor Việt Nam | | |
| Phải thu khách hàng | 385.691.407 | 606.054.581 |
| Cộng nợ phải thu | <u>980.789.934.567</u> | <u>907.870.733.479</u> |
| Công ty Sinokor Việt Nam | | |
| Phải trả người bán | - | 3.031.584 |
| Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất | | |
| Phải trả tiền cung cấp dịch vụ | | 1.034.466.807 |
| Gemadept (Malaysia) Ltd. | | |
| Các khoản phải trả khác | 929.869.279 | 929.869.279 |
| Gemadept (Singapore) Ltd. | | |
| Các khoản thu hộ tàu, mượn tiền | | 69.730.697.870 |
| Phải trả khác | 43.718.922.902 | 29.391.132.918 |
| Công ty TNHH cảng Phước Long | | |
| Phải trả phí dịch vụ | 3.708.275.009 | 819.512.573 |
| Phải trả khác | | 15.157.572.116 |
| Nhận ứng trước tiền thuê phương tiện | 21.510.419.416 | 19.000.419.416 |
| Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept | | |
| Phải trả người bán | - | 60.455.908 |
| Phải trả khác | 320.124 | 64.050.834 |
| Công ty cổ phần cảng quốc tế Nhơn Hội | | |
| Vay ngắn hạn | 2.006.000.000 | 5.750.000.000 |
| Phải trả khác | | |
| Phải trả lãi | 527.402.778 | |
| Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept | | |
| Phải trả khác | 10.293.585.975 | 10.293.585.975 |
| Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012


Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

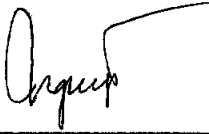
| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Phải trả người bán | 1.026.057.729 | 216.969.079 |
| Các khoản mượn tiền, thu hộ phải trả | 10.276.760.911 | 34.701.883.766 |
| <i>Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept</i> | | |
| Phải trả tiền vay | 10.227.370.790 | 33.227.370.790 |
| <i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải</i> | | |
| Phải trả phí dịch vụ | 71.139.220 | 338.119.840 |
| <i>Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hóa Thái Bình Dương</i> | | |
| Phải trả khác | 5.000.000.000 | 1.000.000.000 |
| Phải trả khách hàng | 420.000 | 420.000 |
| <i>Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo</i> | | |
| Phải trả nhà cung cấp | 1.343.989 | |
| <i>Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link</i> | | |
| Mượn tiền | 120.853.141.332 | 120.853.141.332 |
| Vay ngắn hạn | | - |
| <i>Công ty TNHH Hyundai Merchant Marine</i> | | |
| Phải trả người bán | - | 24.677.699 |
| Cộng nợ phải trả | <u>230.151.029.454</u> | <u>342.597.377.786</u> |

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 01 năm 2013


Trương Như Nguyễn
 Người lập biểu


Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng


Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc